TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ V** **TỈNH PHÚ THỌ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 29/2019/QĐST-DS	*Việt Trì, ngày 15 tháng 11 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ vào Biên bản giải thành ngày 07 tháng 11 năm 2019 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 143/2019/TLST-DS ngày 10 tháng 9 năm 2019.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Lê Tiến B, sinh năm 1986; trú tại: Tổ 22, phố Hồng Hà 1, phường Bến Gót, thành phố V, tỉnh Phú Thọ

Bị đơn: Chị Đỗ Thị Thanh L, sinh năm 1976; trú tại: Số nhà 17, phố Đồi Cam, phường Thanh Miếu, thành phố V, tỉnh Phú Thọ.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Anh B và chị L thống nhất xác nhận chị L còn nợ anh B số tiền nợ gốc là 32.000.000đ (Ba mươi hai triệu đồng).

Anh B, chị L thống nhất thỏa thuận: Đến ngày 15/11/2019, chị L sẽ thanh toán toàn bộ số tiền vay nợ gốc 32.000.000đ (Ba mươi hai triệu đồng) cho anh B và tiền lãi suất theo mức lãi suất do ngân hàng nhà nước quy định mỗi tháng là 0,75%/tháng, tính đến ngày 15/11/2019 thì tiền lãi của số tiền nợ gốc trên là 1.096.000đ (Một triệu không trăm chín mươi sáu nghìn đồng). Tổng số cả gốc và lãi chị L phải trả cho anh B là 33.096.000đ (Ba mươi ba triệu không trăm chín mươi sáu nghìn đồng). Phương thức thanh toán một lần toàn bộ số tiền trên.

Kể từ ngày Quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền trên, hàng tháng bên phải

thi hành còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Về án phí: Chị Đỗ Thị Thanh L tự nguyện 1.654.800đ (Một triệu sáu trăm năm mươi tư nghìn tám trăm đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Trả lại cho anh Lê Tiến B 800.000đ (Tám trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2019/0000512 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố V, tỉnh Phú Thọ.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND thành phố V, tỉnh Phú Thọ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Phùng Thị Thu Hường

<u>Hướng dẫn sử dụng mẫu số 40-DS:</u>

(1) Ghi tên Toà án nhân dân ra quyết định công nhận sự thoả thuận của các đương sự; nếu là Toà án nhân dân cấp huyện thì cần ghi rõ Toà án nhân dân huyện nào thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nào (ví dụ: Toà án nhân dân huyện X, tỉnh H), nếu là Toà án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, thì ghi rõ Toà án nhân dân tỉnh (thành phố) đó (ví dụ: Toà án nhân dân thành phố Hà Nội).

(2) Ghi họ tên, địa chỉ của đương sự. Tuỳ theo độ tuổi mà ghi Ông hoặc Bà, Anh hoặc Chị trước khi ghi họ tên.

(3) Ghi họ tên của đương sự ly hôn.

(4) Ghi đầy đủ lần lượt các thoả thuận của các đương sự về từng vấn đề phải giải quyết trong vụ án đã được thể hiện trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành (kể cả án phí).